



**TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2021

THÁNG 01/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀNĐịa chỉ: Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành Phố Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2021**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.615.233.245.750	1.658.339.694.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	188.152.543.063	436.702.149.730
1. Tiền	111		15.152.543.063	48.702.149.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		173.000.000.000	388.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		302.213.419.999	12.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	(4.2)	222.213.419.999	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.071.407.411.110	1.191.838.560.636
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	20.335.004.924	26.499.989.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	1.036.721.833.526	1.151.127.262.419
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.5)	15.009.125.152	15.371.801.833
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(658.552.492)	(1.160.493.197)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
III. Hàng tồn kho	140		53.113.596.458	17.410.610.154
1. Hàng tồn kho	141	(4.6)	53.113.596.458	17.410.610.154
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		346.275.120	388.374.233
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4.11)	346.275.120	388.374.233
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(4.14)	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(4.14)	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀNĐịa chỉ: Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình
Thành Phố Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2021**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.180.004.490.747	1.664.530.988.930
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	(4.2)	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(4.3)	-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		162.592.626.189	162.187.404.262
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	155.382.943.091	154.788.916.664
Nguyên giá	222		233.129.367.589	223.752.785.217
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.746.424.498)	(68.963.868.553)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	(4.9)	7.209.683.098	7.398.487.598
Nguyên giá	228		9.259.505.000	9.259.505.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.049.821.902)	(1.861.017.402)
III. Bất động sản đầu tư	230	(4.10)	1.297.044.518.689	1.316.018.930.922
1. Nguyên giá	231		1.906.809.730.129	1.865.217.526.576
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(609.765.211.440)	(549.198.595.654)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(4.7)	42.665.158.158	26.964.608.752
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42.665.158.158	26.964.608.752
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		677.702.187.711	159.360.044.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.11)	677.702.187.711	159.360.044.994
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.795.237.736.497	3.322.870.683.683

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.148.408.159.375	2.674.042.790.920
I. Nợ ngắn hạn	310		333.465.484.062	266.146.732.829
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.12)	14.721.194.437	24.455.601.148
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(4.13)	5.614.605.433	4.186.127.123
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.14)	17.051.425.689	5.706.571.984
4. Phải trả người lao động	314		5.172.013.879	8.147.404.729
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.890.447.932	36.299.257.587
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HFXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(4.16)	75.422.745.740	57.058.254.547
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.15)	37.499.765.928	48.806.815.218
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.17)	132.818.547.169	68.556.575.490
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			3.336.681.581
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.18)	10.274.737.855	9.593.443.422
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2.814.942.675.313	2.407.896.058.091
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(4.16)	2.188.700.973.325	1.853.848.393.681
7. Phải trả dài hạn khác	337	(4.15)	43.854.392.050	40.071.746.514
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(4.17)	582.387.309.938	513.975.917.896
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

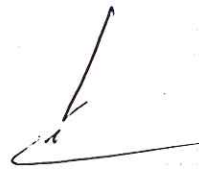
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(4.19.1)	646.829.577.122	648.827.892.763
I. Vốn chủ sở hữu	410		646.829.577.122	648.827.892.763
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.19.2)	548.980.000.000	548.980.000.000
Cổ phiếu phổ thông, có quyền biểu quyết	411a		548.980.000.000	548.980.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.155.537.663	21.352.580.684
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.694.039.459	78.495.312.079
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		23.597.312.079	23.973.175.101
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.096.727.380	54.522.136.978
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.795.237.736.497	3.322.870.683.683

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2022



Đào Thị Kim Ngân
Người lập biểu



Nguyễn Bách Thảo
Kế toán trưởng




 Nguyễn Thị Hạnh
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 4 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	99.750.964.473	167.187.548.284	317.754.784.106	380.093.937.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	99.750.964.473	167.187.548.284	317.754.784.106	380.093.937.339
4. Giá vốn hàng bán	11	43.084.481.203	112.597.034.142	168.908.689.353	248.946.950.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	56.666.483.270	54.590.514.142	148.846.094.753	131.146.986.811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(3.838.059.132)	3.630.208.700	6.641.495.503	15.906.037.994
7. Chi phí tài chính	22	6.180.736.167	3.065.945.941	33.700.911.322	15.608.048.889
Trong đó, chi phí lãi vay	23	6.172.538.967	2.458.766.743	33.618.101.722	13.057.756.081
8. Chi phí bán hàng	25	10.076.463.903	6.573.612.288	17.261.427.258	14.532.813.866
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.511.656.584	17.637.264.908	29.266.842.727	33.644.700.569
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	24.059.567.484	30.943.899.705	75.258.408.949	83.267.461.481
11. Thu nhập khác	31	8.177.273	138.136.693	32.965.765	1.150.196.755
12. Chi phí khác	32	474.000.000	21.014.000	2.211.040.836	208.227.702
13. Lợi nhuận khác	40	(465.822.727)	117.122.693	(2.178.075.071)	941.969.053
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.593.744.757	31.061.022.398	73.080.333.878	84.209.430.534
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.904.623.558	6.338.253.299	15.050.764.086	17.114.317.677
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17.689.121.199	24.722.769.099	58.029.569.792	67.095.112.857

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2022



Đào Thị Kim Ngân
 Người lập biểu



Nguyễn Bách Thảo
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Thị Hạnh
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 4 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.693.744.767	31.081.022.398	73.080.333.878	84.209.430.634
2. Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(6.6)	12.618.742.703	36.422.210.050	73.554.254.021	139.308.341.468
Các khoản dự phòng	03		362.742.183	3.330.628.573	(501.940.705)	6.707.186.106
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04					
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.838.059.132	(7.961.568.618)	(6.641.495.503)	(15.906.037.994)
Chi phí lãi vay	06	(6.4)	6.172.538.967	5.466.057.522	33.618.101.722	13.057.758.081
Các khoản điều chỉnh khác	07					
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước nhưng thay đổi vốn lưu động	08		46.686.827.742	66.318.347.926	173.109.263.413	227.374.676.196
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(449.914.595)	4.931.037.957	119.337.205.219	30.767.442.493
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20.166.154.840)	8.452.238.534	(24.658.703.942)	25.321.661.969
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		134.299.725.695	172.811.194.329	343.504.442.127	272.193.353.479
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.043.530.479)	672.663.216	(521.108.746.245)	2.694.899.354
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		4.950.000.000		(222.213.419.999)	
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.719.056.503)	(3.679.119.874)	(34.573.121.834)	(11.280.076.560)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.500.000.000)	(13.000.000.000)	(12.797.263.570)	(13.000.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16					
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		1.611.132.641	(227.609.000)	(1.639.888.359)	(4.845.753.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		141.668.029.661	238.278.763.087	(181.038.243.190)	629.226.203.364
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.938.604.670)	(685.104.002.458)	(84.188.485.713)	(855.174.455.278)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22					
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(80.000.000.000)	(12.165.558.951)	(80.000.000.000)	(110.015.830.044)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			108.391.404.924	12.000.000.000	176.391.404.924
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25					440.741.600
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			440.741.600		440.741.600
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(3.836.448.174)	10.512.558.519	6.899.758.515	17.793.772.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(86.775.052.844)	(877.924.866.366)	(145.286.727.198)	(770.864.385.881)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			48.980.000.000		48.980.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32					
1. Tiền thu từ đi vay	33		(27.185.000.674)	489.768.414.745	407.854.938.547	502.324.295.204
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.147.538.527)	(51.993.430.077)	(275.161.574.828)	(101.782.470.988)
2. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35					
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(50.000.000.000)	(54.898.000.000)	(50.000.000.000)
3. Tiền lãi trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	37					
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.332.639.201)	436.772.984.668	77.775.363.721	399.521.824.218
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		5.460.437.616	97.126.681.389	(246.549.608.667)	158.183.661.701
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		182.692.105.447	339.575.268.341	436.702.149.730	278.518.488.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(5.1)	188.152.543.063	436.702.149.730	188.152.543.063	436.702.149.730

ngan

Đào Thị Kim Ngân
Người Lập Biểu

Nguyễn Bách Thảo

Nguyễn Bách Thảo
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Thị Hạnh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp. Ngày 01 tháng 07 năm 2017, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Cổ phần Sonadezi Giang Điền theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3603474037 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp; thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 548.980.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	255.000.000.000	46,00%	255.000.000.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	180.000.000.000	33,00%	180.000.000.000	33,00%
Cổ đông khác	113.980.000.000	21,00%	113.980.000.000	21,00%
Cộng	548.980.000.000	100,00%	548.980.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 82 (01/01/2021: 89).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Tái chế phế liệu;

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Đấu giá bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngày 01 tháng 07 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bất động sản khu công nghiệp và khu đô thị được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của bất động sản xây dựng để bán bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí tư vấn thiết kế và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Đà Lạt trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn có thể lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- + Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- + Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- + Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- + Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 45 năm
- Quyền sử dụng đất 08 - 46 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất Khu công nghiệp Giang Điền đã trả một lần. Tiền thuê đất được Công ty phân bổ theo diện tích đã cho thuê;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hoạt động còn lại của dự án Khu công nghiệp Giang Điền;
- Chi phí trả trước khác chủ yếu là các chi phí phát sinh chung cho toàn bộ khu công nghiệp Giang Điền như chi phí tư vấn, chi phí sửa chữa, đo vẽ, hồ sơ quy hoạch, thuê pano,... được phân bổ dần không quá 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh. Riêng chi phí dò mìn được phân bổ theo thời gian hoạt động của khu công nghiệp là 49 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo như chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất; chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng, chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp và các khoản chi phí khác.

Chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất được ghi nhận trên diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng căn cứ vào dự toán báo cáo đầu tư do Công ty lập và điều chỉnh theo chi phí thực tế phát sinh.

Chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng và chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp của Khu công nghiệp Giang Điền được ghi nhận trên phần diện tích đất cho khách hàng thuê tính theo tỷ lệ doanh thu phí mặt bằng công nghiệp ghi nhận trong năm nhân với suất đầu tư hạ tầng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng, cho thuê đất và phí sử dụng mặt bằng công nghiệp.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh mục 3.7.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh khoản chi phí đi vay vốn phát sinh trong kỳ.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

Cho thuê đất, phí hạ tầng, xử lý chất thải đối với các doanh nghiệp chế xuất	0%
Cung cấp nước sạch sản xuất	5%
Hoạt động cho thuê lại đất, cho thuê nhà xưởng, cho thuê văn phòng và các hoạt động khác	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	9.620.683	61.360.117
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.142.922.380	48.612.789.613
Tiền đang chuyển	-	28.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	173.000.000.000	388.000.000.000
Cộng	188.152.543.063	436.702.149.730

(*) Tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

4.2 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm/kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu (10%)	222.213.419.999	567.270.000.000	-	-	-	-
Công ty CP Tín Nghĩa TCty	222.213.419.999	567.270.000.000	-	-	-	-

4.3 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	44.284.846	82.098.900
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	32.888.900	82.098.900
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	11.395.946	-
Phải thu từ khách hàng khác:	20.290.720.078	26.417.890.681
Công ty TNHH Li Kang Việt Nam	-	5.326.975.500
Công ty Cổ phần Hi Việt Nam	-	11.880.000.000
Công ty TNHH Myung Information Technology Việt Nam	3.546.969.870	1.429.955.999
Công Ty TNHH Linen Supply Giang Thanh Bình	954.620.652	1.706.517.545
Công Ty CP Đầu Tư An Thịnh Đồng Nai	-	1.254.000.000
Công ty TNHH Dechang Việt Nam	1.533.828.788	596.671.459
Công ty TNHH Dechang Việt Nam	3.430.520.884	200.000
Công ty TNHH Jones & Vining Việt Nam	4.875.298.543	-
Công ty TNHH EBC GROUP	2.363.413.852	2.859.958
Phải thu các đối tượng khác	3.586.067.489	4.220.710.220
Cộng	20.335.004.924	26.499.989.581

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dài hạn:

Phải thu từ khách hàng:

4.4 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Trả trước người bán là các bên có liên quan	1.336.628.867	398.979.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	313.413.000	108.979.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	290.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	992.896.822	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	30.319.045	-
Trả trước cho người bán khác:	1.035.385.204.659	1.150.728.283.419
Trung tâm Phát triển Quý đất TP. Biên Hòa	127.295.583.418	249.418.422.330
Trung tâm Phát triển Quý đất huyện Trảng Bom	896.733.526.126	896.599.271.870
Trả trước cho các đối tượng khác	11.356.095.115	4.710.589.219
Cộng	1.036.721.833.526	1.151.127.262.419

Dài hạn:

4.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	168.000.000	-	203.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	260.490.410	-	442.186.301	-
Các khoản ký quỹ	14.464.136.002	-	14.464.136.002	-
BHXH – Biệt Thự Đồng Nai	-	-	2.967.190	-
Phải thu khác	116.498.740	-	259.512.340	-
Cộng	15.009.125.152	-	15.371.801.833	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	4.861.106	-
Công cụ, dụng cụ	60.299.090	-	58.387.570	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.804.937.368	-	17.073.227.355	-
<i>Khu dân cư An Bình</i>	15.012.945.369	-	14.569.946.317	-
<i>Khác</i>	37.791.991.999	-	2.503.281.038	-
Hàng hóa	248.360.000	-	274.134.123	-
Cộng	53.113.596.458	-	17.410.610.154	-

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tuyến đường nối Khu Công nghiệp Giang Điền vào Quốc lộ 1A	5.036.646.745	5.036.646.745
Khu dân cư - Dịch vụ Giang Điền	2.566.787.321	2.566.787.321
Cấp thoát nước Khu công nghiệp Giang Điền	1.249.336.449	592.929.743
Đường Khu Công nghiệp Giang Điền	891.647.646	559.810.995
Chi phí xây dựng dở dang khác	32.920.739.997	18.208.433.948
Cộng	42.665.158.158	26.964.608.752

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	184.019.447.346	280.909.091	33.860.392.694	5.592.036.086	223.752.785.217
Mua trong năm	5.961.655.579	160.000.000	2.799.833.393	455.093.400	9.376.582.372
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do điều chuyển	13.803.776.519	-	-	-	13.803.776.519
Giảm do điều chuyển	(13.803.776.519)	-	-	-	(13.803.776.519)
Tại ngày 31/12/2021	189.981.102.925	440.909.091	36.660.226.087	6.047.129.486	233.129.367.589
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	51.294.217.959	25.229.797	13.161.816.478	4.482.604.319	68.963.868.553
Khấu hao trong năm	6.756.902.562	33.838.382	1.301.441.239	690.373.762	8.782.555.945
Tăng do điều chuyển	7.073.263.978	-	-	513.261.928	7.586.525.906
Giảm do điều chuyển	(7.073.263.978)	-	-	(513.261.928)	(7.586.525.906)
Tại ngày 31/12/2021	58.051.120.521	59.068.179	14.463.257.717	5.172.978.081	77.746.424.498
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	132.725.229.387	255.679.294	20.698.576.216	1.109.431.767	154.788.916.664
Tại ngày 31/12/2021	131.929.982.404	381.840.912	22.196.968.370	874.151.405	155.382.943.091

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	9.069.505.000	190.000.000	9.259.505.000
Mua trong năm	-	-	-
Tăng do điều chuyển	9.069.505.000		9.069.505.000
Giảm do điều chuyển	(9.069.505.000)		(9.069.505.000)
Tại ngày 31/12/2021	<u>9.069.505.000</u>	<u>190.000.000</u>	<u>9.259.505.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	1.672.961.862	188.055.540	1.861.017.402
Khấu hao trong năm	186.860.040	1.944.460	188.804.500
Tăng do điều chuyển	1.813.106.892		1.813.106.892
Giảm do điều chuyển	(1.813.106.892)		(1.813.106.892)
Tại ngày 31/12/2021	<u>1.859.821.902</u>	<u>190.000.000</u>	<u>2.049.821.902</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	7.396.543.138	1.944.460	7.398.487.598
Tại ngày 31/12/2021	<u>7.209.683.098</u>	<u>-</u>	<u>7.209.683.098</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2021
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>				
Nguyên giá:				
Tòa nhà Sonadezi	300.406.562.166	-	-	300.406.562.166
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	10.215.965.191	-	-	10.215.965.191
Nhà xưởng cho thuê	335.715.482.455	54.768.343.025	15.062.560.152	375.421.265.328
Quyền sử dụng đất	565.292.683.748	-	-	565.292.683.748
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	653.586.833.016	1.910.182.151	23.761.471	655.473.253.696
Cộng	1.865.217.526.576	56.678.525.176	15.086.321.623	1.906.809.730.129
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tòa nhà Sonadezi	108.652.224.770	12.265.861.088	-	120.918.085.858
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	7.358.659.541	357.163.206	-	7.715.822.747
Nhà xưởng cho thuê	66.401.734.585	11.931.135.506	4.016.277.790	74.316.592.301
Quyền sử dụng đất	100.230.193.347	12.362.254.428	-	112.592.447.775
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	266.555.783.411	27.666.479.348	-	294.222.262.759
Cộng	549.198.595.654	64.582.893.576	4.016.277.790	609.765.211.440
Giá trị còn lại:				
Tòa nhà Sonadezi	191.754.337.396			179.488.476.308
Văn phòng KDC An Bình (Lô E)	2.857.305.650			2.500.142.444
Nhà xưởng cho thuê	269.313.747.870			301.104.673.027
Quyền sử dụng đất	465.062.490.401			452.700.235.973
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	387.031.049.605			361.250.990.937
Cộng	1.316.018.930.922			1.297.044.518.689

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	31.090.684	24.610.032
Các khoản khác	315.184.436	363.764.201
Cộng	<u>346.275.120</u>	<u>388.374.233</u>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả một lần cho diện tích 1.532.343 m ² tại Khu công nghiệp Giang Điền (*)	141.768.203.785	141.768.203.785
Tiền thuê đất trả một lần cho diện tích 710.455 m ² tại Khu công nghiệp Giang Điền (*)	514.684.559.681	-
Công cụ dụng cụ	779.650.241	583.581.844
Chi phí khác	20.469.774.004	17.008.259.365
Cộng	<u>677.702.187.711</u>	<u>159.360.044.994</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên có liên quan:	82.797.000	82.797.000	6.499.077.214	6.499.077.214
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	30.327.000	30.327.000	5.241.604.325	5.241.604.325
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	34.976.700	34.976.700	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	-	741.472.889	741.472.889
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	-	516.000.000	516.000.000
Công ty Cổ Phần Môi Trường Sonadezi	17.493.300	17.493.300	-	-
Phải trả cho người bán khác:	14.638.397.437	14.638.397.437	17.956.523.934	17.956.523.934
Tổng công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	1.804.895.000	1.804.895.000	2.227.461.034	2.227.461.034
Công ty TNHH Thịnh Phong	1.197.599.859	1.197.599.859	257.265.099	257.265.099
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện lạnh REE	1.754.921.430	1.754.921.430	1.754.921.430	1.754.921.430
Công ty CP Kỹ Thuật SEEN	-	-	15.450.000	15.450.000
Lãi vay phải trả KDC An Bình	2.313.948.023	2.313.948.023	2.097.850.950	2.097.850.950
Công ty TNHH Lương Phúc	3.596.366.664	3.596.366.664	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.970.666.461	3.970.666.461	11.603.575.421	11.603.575.421
Cộng	14.721.194.437	14.721.194.437	24.455.601.148	24.455.601.148

4.13 Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Trả trước từ hoạt động kinh doanh nhà - Khu dân cư An Bình	4.175.077.273	4.175.077.273
Trả trước các đối tượng khác	1.439.528.160	11.049.850
Cộng	5.614.605.433	4.186.127.123

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021 VND	Số thuế GTGT phát sinh VND	Số thuế GTGT được khấu trừ VND	Tại ngày 31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	3.272.133.095	3.272.133.095	-
	Tại ngày 01/01/2021 VND	Trong năm VND	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.787.226.067	36.285.186.649	45.221.469.138	13.723.508.556
Thuế thu nhập cá nhân	727.152.917	12.797.263.570	15.050.764.086	2.980.653.433
Các loại thuế khác	192.193.000	3.087.601.279	3.242.671.979	347.263.700
Tiền thuế đất	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà đất	-	388.546.169.097	388.546.169.097	-
	-	1.756.320	1.756.320	-
Cộng	5.706.571.984	440.721.976.915	452.066.830.620	17.051.425.689

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15 Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.852.875.369	43.092.938.459
Kho bạc nhà nước chuyển phí cơ sở hạ tầng cho đất tái định cư	488.719.000	488.719.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.158.171.559	5.225.157.759
Cộng	<u>37.499.765.928</u>	<u>48.806.815.218</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	43.854.392.050	40.071.746.514
Cộng	<u>43.854.392.050</u>	<u>40.071.746.514</u>

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Khách hàng trả trước tiền thuê đất và thuê hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền	74.701.420.494	57.020.622.537
Khách hàng trả trước tiền thuê nhà xưởng tại KCN Giang Điền	-	-
Khách hàng trả trước tiền thuê tại Cao ốc Sonadezi	721.325.246	37.632.010
Cộng	<u>75.422.745.740</u>	<u>57.058.254.547</u>
Dài hạn:		
Khách hàng trả trước tiền thuê đất và thuê hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền	2.188.700.973.325	1.853.848.393.681
Khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng tại cao ốc Sonadezi	-	-
Cộng	<u>2.188.700.973.325</u>	<u>1.853.848.393.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17 Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2021		Trong năm		Tại ngày 31/12/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
1. Vay ngân hàng VIB dài hạn đến hạn trả	10.655.637.172	10.655.637.172	23.318.547.179	10.655.637.182	23.318.547.169	23.318.547.169
2. Vay ngân hàng Vietinbank dài hạn đến hạn trả						
a) Vay ngân hàng Vietinbank dài hạn đến hạn trả (HĐ 250 tỷ)	57.900.938.318	57.900.938.318	-	57.900.938.318	-	-
b) Vay ngân hàng Vietinbank dài hạn đến hạn trả (HĐ 400 tỷ)	-	-	69.034.211.913	69.034.211.913	-	-
3. Vay ngân hàng Vietcombank dài hạn đến hạn trả	-	-	109.500.000.000	-	109.500.000.000	109.500.000.000
Cộng	68.556.575.490	68.556.575.490	201.852.759.092	137.590.787.413	132.818.547.169	132.818.547.169

CÔNG TY CỔ PHẦN SONAEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dài hạn:						
1. Vay dài hạn ngân hàng VIB	75.975.917.896	75.975.917.896	46.576.089.452	23.318.547.179	99.233.460.169	99.233.460.169
2. Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank	-	-	-	-	-	-
a) Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank (HĐ 250 tỷ)	-	-	-	-	-	-
b) Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank (HĐ 400 tỷ)	-	-	388.463.849.769	233.810.000.000	154.653.849.769	154.653.849.769
3. Vay dài hạn ngân hàng Vietcombank	438.000.000.000	438.000.000.000	-	109.500.000.000	328.500.000.000	328.500.000.000
Cộng	513.975.917.896	513.975.917.896	435.039.939.221	366.628.547.179	582.387.309.938	582.387.309.938
Tổng cộng	<u>582.532.493.386</u>	<u>582.532.493.386</u>	<u>636.892.698.313</u>	<u>504.219.334.592</u>	<u>715.205.857.107</u>	<u>715.205.857.107</u>

4.18 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Hoàn trích quỹ	Trích quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.749.987.366	-	2.228.406.943	(3.102.380.000)	2.876.014.309
Quỹ phúc lợi	5.843.456.056	-	2.901.478.490	(1.346.211.000)	7.398.723.546
Cộng	9.593.443.422	-	5.129.885.433	(4.448.591.000)	10.274.737.855

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19 Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	548.980.000.000	21.352.580.684	78.495.312.079	648.827.892.763
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	58.029.569.792	58.029.569.792
Trích lập các quỹ trong năm	-	5.802.956.979	(10.932.842.412)	(5.129.885.433)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(54.898.000.000)	(54.898.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	<u>548.980.000.000</u>	<u>27.155.537.663</u>	<u>70.694.039.459</u>	<u>646.829.577.122</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	255.000.000.000	255.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	180.000.000.000	180.000.000.000
Các Cổ đông khác	113.980.000.000	113.980.000.000
Cộng	548.980.000.000	548.980.000.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.898.000	54.898.000
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	54.898.000	54.898.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	54.898.000	54.898.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	58.029.569.792
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.129.885.433)
Trích quỹ đầu tư phát triển	(5.802.956.979)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>47.096.727.380</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	54.898.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>858</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Doanh thu kinh doanh đất, hạ tầng KCN Giang Điền	32.134.694.905	71.256.758.343
Doanh thu cho thuê văn phòng	10.131.376.013	10.852.806.283
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	13.222.030.921	18.183.890.518
Doanh thu bán nhà, cơ sở hạ tầng Khu dân cư An Bình	-	-
Doanh thu kinh doanh nước sạch	6.120.720.600	6.067.550.200
Doanh thu kinh doanh nhà hàng, khách sạn	-	412.277.291
Doanh thu xử lý nước thải	3.059.961.250	3.136.941.470
Cộng	64.668.783.689	109.910.224.105
Doanh thu cho thuê tài sản ghi nhận theo tổng số tiền nhận trước trong năm (*)	35.082.180.784	57.277.324.179
Tổng cộng	<u>99.750.964.473</u>	<u>167.187.548.284</u>

5.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Giá vốn kinh doanh đất, hạ tầng KCN Giang Điền	23.327.313.999	84.741.674.666
Giá vốn cho thuê văn phòng	6.362.996.438	9.214.717.539
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	4.984.228.824	9.259.980.091
Giá vốn bán nhà, cơ sở hạ tầng Khu dân cư An Bình	-	-
Giá vốn kinh doanh nước sạch	5.684.398.152	6.083.050.074
Giá vốn kinh doanh nhà hàng, khách sạn	-	564.395.577
Giá vốn xử lý nước thải	2.725.543.790	2.733.216.195
Cộng	<u>43.084.481.203</u>	<u>112.597.034.142</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	(3.838.059.132)	3.630.208.700
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	<u>(3.838.059.132)</u>	<u>3.630.208.700</u>

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Chi phí lãi vay	6.172.538.967	2.458.766.743
Chi phí tài chính khác	8.197.200	607.179.198
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-
Cộng	<u>6.180.736.167</u>	<u>3.065.945.941</u>

5.5 Chi phí bán hàng

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Chi phí lương nhân viên	818.462.913	953.905.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.255.870.990	5.617.829.177
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.130.000	1.878.065
Cộng	<u>10.076.463.903</u>	<u>6.573.612.288</u>

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Chi phí lương nhân viên	9.751.416.330	15.185.047.445
Chi phí đồ dùng văn phòng	134.954.158	246.316.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.834.653	691.961.777
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.187.618.019	1.322.761.751
Chi phí bằng tiền khác	736.091.241	804.412.009
Chi phí dự phòng	362.742.183	(613.234.206)
Cộng	<u>12.511.656.584</u>	<u>17.637.264.908</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7 Thu nhập khác**

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.450.000	-
Thu nhập khác	2.727.273	138.136.693
Cộng	8.177.273	138.136.693

5.8 Chi phí khác

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác	474.000.000	21.014.000
Chi phí khác: thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Chi phí khác	-	-
Cộng	474.000.000	21.014.000

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	1.945.094.441	1.531.899.290
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	-	67.302.883
Chi phí nhân công	11.655.031.070	17.466.992.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.035.655.802	12.200.248.649
Chi phí dự phòng	362.742.183	(613.234.206)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.281.349.819	26.832.934.878
Chi phí bằng tiền khác	9.568.091.241	2.148.718.009
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Cộng	57.847.964.556	59.634.861.990

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
 Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.593.744.757	31.061.022.398
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.929.373.033	630.244.097
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>29.523.117.790</u>	<u>31.691.266.495</u>
Thu nhập tính thuế	<u>29.523.117.790</u>	<u>31.691.266.495</u>
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	<u>29.523.117.790</u>	<u>31.691.266.495</u>
<i>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>5.904.623.558</u>	<u>6.338.253.299</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không liên quan tới hoạt động kinh doanh, thù lao của Hội đồng quản trị không chuyên trách,...

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|-----------------------------|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Công ty mẹ |
| 2. Các công ty con, liên kết của Tổng Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp | Các công ty nội bộ tập đoàn |
| 3. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Tổng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	32.888.900	82.098.900
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	11.395.946	-
Cộng	<u>44.284.846</u>	<u>82.098.900</u>
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu của khách hàng dài hạn:	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	313.413.000	108.979.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	290.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	992.896.822	-
Tổng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	30.319.045	-
Cộng	<u>1.336.628.867</u>	<u>398.979.000</u>
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước người bán dài hạn:	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	516.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	30.327.000	5.241.604.325
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	741.472.889
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	34.976.700	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	17.493.300	-
Cộng	82.797.000	6.499.077.214
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả khác ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	302.311.938	302.311.938
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	1.031.515.500	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	10.064.000	-
Cộng	1.343.891.438	302.311.938
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước:	-	-
Cộng	-	-
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả khác dài hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	1.076.538.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	336.442.263	336.442.263
Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	147.193.200	-
Cộng	483.635.463	1.412.980.263

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong Quý 04/2021, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Quý 04/2021 VND
Cung cấp dịch vụ:	
Tổng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	970.994.298
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	435.059.449
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	276.981.345
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	16.937.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	139.770.878
Cộng	<u>1.839.743.470</u>
	Quý 04/2021 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ:	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	3.392.629.188
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	43.192.500
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo vệ Sonadezi	1.623.185.454
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	5.607.710.350
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	4.795.984.910
Cộng	<u>15.462.702.402</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ CHỦ CHỐT****7.1. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị**

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Quý 04/2021
Ông Nguyễn Thế Phòng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bãi nhiệm ngày 27/04/2021	22.506.795
Ông Trần Hoài Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021	75.013.590
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị		78.016.308
Ông Hà Điệp	Thành viên Hội đồng quản trị		78.016.308
Ông Đặng Văn Chất	Thành viên Hội đồng quản trị		78.016.308
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị		78.016.308
Cộng			409.585.617

7.2. Tiền lương và thù lao Ban kiểm soát

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh		Quý 04/2021
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bãi nhiệm ngày 27/04/2021	75.021.386
Ông Nguyễn Dương Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát	Bãi nhiệm ngày 27/04/2021	9.002.718
Ông Nguyễn Duy Hoà	Thành viên Ban Kiểm soát	Bãi nhiệm ngày 27/04/2021	9.002.718
Bà Ngô Thị Thu Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021	60.010.870
Bà Nguyễn Tú Loan	Thành viên Ban Kiểm soát	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021	30.005.436
Ông Trần Tấn Nhật	Thành viên Ban Kiểm soát	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2021	30.005.436
Cộng			213.048.564

7.3. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức danh		Quý 04/2021
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Tổng Giám Đốc		-
Ông Hà Điệp	Phó Tổng Giám Đốc		351.428.273
Bà Nguyễn Bách Thảo	Kế toán trưởng		322.058.159
Cộng			673.486.432

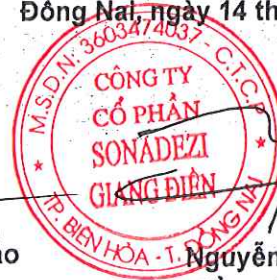
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2022



Đào Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Bách Thảo
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hạnh
Tổng Giám Đốc